

Số: 68/2018/QĐST - HNGĐ

Phú Lương, ngày 16 tháng 5 năm 2018;

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2017/TLST/HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Lê Thị C – sinh năm 1972 (Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Chinh là luật sư Nguyễn Công Q, thuộc văn phòng Luật sư A)

- *Bị đơn*: anh Trần Văn Đ – sinh năm 1965

Đều có HKTT tại: xóm G, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng*:

Anh Trần Văn Đ thuận tình ly hôn chị Lê Thị C

- *Về con chung*: vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T (SN 10.8.1993) và Trần Văn T (SN 10.11.1995). Hiện cả hai con đã trưởng thành, vì vậy không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: hai bên nhất trí thoả thuận, sau khi ly hôn chị C được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 286 và 447 thuộc tờ bản đồ số 52 cùng 01 căn nhà xây cấp 4

hai gian tại xóm Pháng 2, xã Phú Đ, huyện P. Hiện chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tổng tài sản có giá trị là 74.755.200 đồng). Anh Đ được quyền quản lý sử dụng 09 thửa đất (Gồm các thửa số 122;127; 147; 155; 156 thuộc tờ bản đồ số 52 và các thửa số 109; 110; 111; 112 thuộc tờ bản đồ số 54 và 01 căn nhà cấp 4 tại xóm G, xã T, huyện P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 145712 – cấp ngày 06.11.2003 (Tổng tài sản có giá trị là 362.073.245 đồng)

- *Về nợ chung*: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Hai bên thoả thuận chị C chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và về án phí dân sự, ai sử dụng phần tài sản gì thì chịu án phí ở phần đó, cụ thể chị C phải chịu 1.868.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ phải chịu 9.051.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Phú Lương;
- Chi cục Thi hành án Phú Lương;
- TAT;
- UBND xã Đ
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Thẩm phán.

THẨM PHÁN

Ma Quang Nhanh